

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/LĐ-ST

Ngày 07/03/2023.

V/v “*Tranh chấp về bồi thường
do nghỉ việc, tiền lương, tiền bảo hiểm y tế,
bảo hiểm xã hội, chi phí hợp lý khác*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đình Tình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lam Điền và ông Nguyễn Đình Phụng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 03 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án lao động thụ lý số: 01/2022/TLST-LĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về bồi thường do nghỉ việc, tiền lương, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2023/QĐXXST-LĐ ngày 21/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Gia H – sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Nguyễn Hữu Tr - Trưởng phòng Nội vụ của Ủy ban nhân dân huyện B .
(có mặt)

+ Ông Lê Thanh S - Phó trưởng phòng Nội vụ của Ủy ban nhân dân huyện B .
(có mặt)

Địa chỉ: Trung tâm huyện B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Sầm Văn Ch – Chủ tịch UBND xã T.

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Gia H trình bày:

Ngày 09/03/1996 ông H được tuyển dụng vào làm việc tại Tòa án nhân dân huyện B , đến năm 2001 chuyển đến công tác tại UBND xã T , huyện B và được bổ nhiệm làm cán bộ chuyên trách tư pháp của UBND xã theo Quyết định số 12/QĐ-UB ngày 31/12/2001 của UBND xã T . Sau khi trở thành công chức Tư pháp – hộ tịch của UBND xã T , quá trình công tác ông H được hưởng các chế độ, chính sách của pháp luật như các công chức khác. Tuy nhiên, đến năm 2017, UBND huyện B tổ chức xét, thi tuyển công chức cấp xã trên địa bàn huyện, có trường hợp được xét tuyển dụng không qua thi tuyển. Ông H thấy mình thuộc trường hợp được công nhận hoặc xét tuyển dụng vào công chức cấp xã không qua thi tuyển vì đã có thời gian công tác liên tục và đóng bảo hiểm xã hội gần 20 năm, trong đó có hơn 05 năm công tác và được hưởng hệ số phụ cấp độc hại nguy hiểm 0,2 tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số huyện biên giới.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, thấy mình thuộc trường hợp đương nhiên được công nhận là công chức cấp xã, không cần qua xét tuyển dụng hoặc thi tuyển nhưng UBND huyện B lại buộc ông phải thi tuyển là không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2017, UBND huyện B ban hành Công văn số 837/UBND-NV v/v thực hiện đúng quy định của pháp luật trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức cấp xã gửi đến Chủ tịch UBND các xã và trưởng phòng nội vụ huyện, theo đó ông bị buộc thôi đảm nhiệm chức vụ: Công chức tư pháp hộ tịch tại UBND xã T .

Nhận thấy việc UBND huyện B buộc thôi việc đối với ông H là không đúng quy định của pháp luật, ông đã nhiều lần làm đơn khiếu nại gửi đến UBND tỉnh Đắk Lắk; UBND huyện B và các cơ quan có thẩm quyền.

Qua thời gian dài khiếu nại, ngày 04/11/2019 UBND huyện B ban hành Quyết định Về việc tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức cấp xã số 3103/QĐ-UBND đối với ông.

Mặc dù được UBND huyện B tuyển dụng lại làm nhiệm vụ tại UBND xã T , huyện B nhưng không giải quyết triệt để vấn đề lương và chế độ cho ông xuất phát từ việc buộc thôi việc trái pháp luật của UBND huyện B đối với ông H. Cụ thể: Từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019 ông không được hưởng bất cứ khoản tiền lương, chế độ nào đối với công chức.

Nay ông H đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc UBND huyện B phải chi trả khoản tiền lương (bậc 7/12, hệ số 3,06), tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ do bị buộc thôi việc không đúng quy định của pháp luật của UBND huyện B đối với ông từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019, cụ thể:

- Tiền lương: Từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2018: $3,26 \times 1.300.000$ đồng/tháng $\times 8$ (tháng) = 33.904.000 đồng
- + Từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019: $3,26 \times 1.390.000$ đồng/tháng $\times 12$ (tháng) = 54.376.800 đồng
- + Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019: $3,26 \times 1.490.000$ đồng/tháng $\times 4$ (tháng) = 19.429.600 đồng

Tổng tiền lương: 107.710.400 đồng (một trăm linh bảy triệu bảy trăm mười nghìn bốn trăm đồng)

- Tiền BHXH + BHYT + BH thất nghiệp,...

+ Từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2018: $3,26 \times 8 \text{ (tháng)} \times 1.300.000 \text{ đồng} \times 32\% = 10.849.280 \text{ đồng}$

+ Từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019: $3,26 \times 12 \text{ (tháng)} \times 1.390.000 \text{ đồng/tháng} \times 32\% = 17.400.576 \text{ đồng}$

+ Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019: $3,26 \times 4 \text{ (tháng)} \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} \times 32\% = 6.217.472 \text{ đồng}$. Tổng tiền BHXH + BHYT + BH thất nghiệp,...: 34.467.328 đồng

Tổng số tiền ông khởi kiện để yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường là: 142.177.728 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu Tr trình bày:

- Ngày 31/12/2001 UBND xã T bổ nhiệm ông Vũ Gia H làm cán bộ chuyên trách tư pháp xã tại Quyết định số 12/QĐ-UB. Năm 2016 ông Vũ Gia H gửi đơn và hồ sơ đăng ký tuyển dụng công chức cấp xã, với chức danh đăng ký tuyển dụng là công tác tư pháp - hộ tịch xã T. Năm 2017 ông Vũ Gia H tham gia thi tuyển công chức cấp xã do UBND huyện tổ chức. Kết quả ông Vũ Gia H không trúng tuyển công chức cấp xã. Trong đợt thi công chức cấp xã do UBND huyện tổ chức năm 2017, huyện không tiếp nhận được đơn hay hồ sơ nào của ông Vũ Gia H về việc đề nghị xem xét, tiếp nhận không qua thi tuyển theo Điều 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

Ngày 15 tháng 7 năm 2016 UBND huyện B xây dựng phương án tuyển dụng công chức cấp xã. Phương án này đã được Sở Nội vụ tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1187/QĐ-SNV ngày 07/9/2016. Sau khi Phương án tuyển dụng được phê duyệt, UBND huyện tổ chức thông báo công khai trên đài phát thanh, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, chức danh công chức cần tuyển, thời hạn, địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, thời gian thi tuyển, xét tuyển và được đăng trên 03 số báo liên tiếp của cấp tỉnh.

Kết quả: Có 142 bộ hồ sơ đảm bảo điều kiện tham gia dự tuyển. Trong đó có ông Vũ Gia H, người đang làm việc tại UBND xã T.

Ngày 12 tháng 01 năm 2017 Hội đồng xét tuyển công chức Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự xã. Kết quả có 09/10 người trúng tuyển.

Ngày 16 tháng 02 năm 2017 Hội đồng kiểm tra sát hạch xét tuyển đối với 06 trường hợp đủ điều kiện xét tuyển, không qua thi tuyển thuộc trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng. Kết quả có 03 người trúng tuyển. Danh sách thi tuyển có 129 người đủ điều kiện dự thi. Trong đó có ông Vũ Gia H.

Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 02/4/2017 Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thi tuyển công chức cấp xã theo đúng quy định, đúng phương án đã được phê duyệt. Kết quả có 60 người trúng tuyển và được bổ nhiệm vào ngạch công chức cấp xã. Ông Vũ Gia H có tham gia thi tuyển, nhưng kết quả không trúng tuyển.

Trong quá trình Ủy ban nhân dân huyện tổ chức xét tuyển và thi tuyển, ông Vũ Gia H không có ý kiến gì. Ông vẫn tham gia ôn tập và tham gia thi tuyển đầy đủ các môn theo quy định. Nhưng sau khi công bố kết quả thi tuyển, ông mới gửi đơn đến UBND huyện đề nghị xem xét.

Ông Vũ Gia H cho rằng theo quy định tại Điều 21 Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ; khoản 2 Điều 15 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ và Công văn số 4410/BNV-CQĐP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nội vụ “V/v xét, thi tuyển công chức cấp xã” thì ông đương nhiên được công nhận là công chức cấp xã, không cần qua thi tuyển, xét tuyển.

Các điều khoản liên quan đến tuyển dụng công chức cấp xã: Điều 23, Mục 2 Pháp lệnh số 2-L/CTN ngày 26/02/1998; Điểm h, Khoản 1, Điều 1 Pháp lệnh Cán bộ, công chức số 11/2003/PL-UBTVQH 11 ngày 29/4/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh cán bộ, công chức 1998; Điều 13, Nghị định 114/2003/NĐ-CP quy định về tuyển dụng công chức cấp xã, Thông tư số 03/2004/TT-BNV, ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định 11/2003/NĐ-CP; Quyết định số 19/2007/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ; Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định: Để trở thành công chức cấp xã phải qua tuyển dụng (thi tuyển hoặc xét tuyển)

Theo các quy định điều, khoản nêu trên thì để trở thành công chức cấp xã phải qua tuyển dụng không có văn bản quy định ông Vũ Gia H đương nhiên được công nhận là công chức cấp xã, không cần qua thi tuyển, xét tuyển.

Công văn số 4986/BNV-CQĐP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nội vụ “V/v trả lời Công văn số 1265/SNV-XDCQ ngày 28/8/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk” thì “các trường hợp đang hợp đồng lao động ở xã, phường, thị trấn không thuộc đối tượng là “trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng” theo quy định tại Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ”.

Công văn 5017/BNV-CQĐP ngày 09/10/2018 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng công chức cấp xã, ban hành sau thời điểm UBND huyện tổ chức tuyển dụng nên không có cơ sở áp dụng (*UBND huyện tổ chức tuyển dụng năm 2017*).

Về xem xét các trường hợp có thời gian công tác từ năm 2003 trở về trước (*trong đó có trường hợp ông Vũ Gia H*) theo Công văn số: 5017/BNV-CQĐP ngày 09/10/2018 của Bộ nội vụ; Công văn 321/UBND-TH ngày 29/10/2018 của UBND

tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã tổng hợp và xin ý kiến UBND tỉnh, UBND tỉnh đã có văn bản số: 2329/UBND-TH ngày 26/3/2019 hướng dẫn triển khai thực hiện công văn số 5017/BNV-CQĐP. Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho các ngành chuyên môn của huyện và UBND các xã triển khai thực hiện các bước theo quy định.

Ngày 22/5/2019 Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số: 1278/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng xét hồ sơ công nhận công chức cấp xã. Hội đồng đã tổ chức xét hồ sơ báo cáo và xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh về trường hợp ông Vũ Gia H.

Đến ngày 04/11/2019, UBND huyện B ra Quyết định số 3103/QĐ-UBND tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức cấp xã đối với ông Vũ Gia H. Như vậy việc tuyển dụng ông Vũ Gia H là theo văn bản cá biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Công văn số 837/UBND-NV ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện gửi đến UBND xã và đơn vị liên quan để triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã chứ không thể hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động với cá nhân ông Vũ Gia H. Việc khởi kiện của ông Vũ Gia H buộc bồi thường là không đúng nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:

Ủy ban nhân dân xã T là đơn vị sử dụng cán bộ công chức và chi trả chế độ tiền theo quyết định của UBND huyện B. Quá trình công tác của ông Vũ Gia H đã được thanh toán tiền lương và chế độ đầy đủ. Sau khi ông H cho thôi việc do không trúng tuyển kỳ thi công chức cấp xã. Do vậy UBND xã T thực hiện theo quy định và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo ý kiến và yêu cầu của UBND huyện B.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng* : Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án*: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012; pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 2-L/CTN ngày 26/02/1998; Pháp lệnh số: 11/2003/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2003 bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ công chức; Nghị định số: 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Gia H, buộc bị đơn UBND huyện B phải chi trả cho ông H khoản tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đáng lẽ ông H được nhận và

chế độ của ông H bị thiệt hại do bị buộc thôi việc không đúng quy định của UBND huyện B đối với ông H từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp về bồi thường do nghỉ việc, tiền lương, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền không báo trước, tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần, danh dự, chi phí hợp lý khác” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Gia H đối với bị đơn là Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường do nghỉ việc, tiền lương, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền không báo trước, tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần, danh dự, chi phí hợp lý khác với số tiền 142.177.728 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Xét về thời gian lao động và công tác của ông Vũ Gia H tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là từ năm 2001, cho đến nay ông Vũ Gia H trải qua nhiều công và nhận chế độ việc như sau: Ngày 31/01/2021, ông Vũ Gia H được UBND xã T, huyện B bổ nhiệm làm cán bộ chuyên trách tư pháp xã T theo Quyết định số 12/QĐ-UB. Đến tháng 7 năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện B chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với công chức xã cho ông Vũ Gia H với chức danh Tư pháp – Hộ tịch xã T từ bậc 2/16 hệ số lương cũ 1.58 được chuyển xếp vào công chức loại B bậc 2/12 hệ số lương mới 2.06 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 1958/QĐ-UB ngày 11 tháng 7 năm 2005. Quá trình công tác ông Vũ Gia H được xét nâng lương theo quy định với chức danh Công chức tư pháp – hộ tịch xã T lên đến bậc 4/12 hệ số lương 3,06. Thời điểm xét nâng lương lần sau kể từ ngày 01/01/2014 theo Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Theo quy định tại Điều 23 Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 2-L/CTN ngày 26 tháng 02 năm 1998 về cán bộ công chức; điểm h khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 5 Pháp lệnh số: 11/2003/PL-UBTVQH11 ngày 29/04/2003 bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ công chức; khoản 2 Điều 13 Nghị định số: 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ công chức xã, phường, thị trấn; các Điều 7, 9, 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động. Căn cứ quá trình công tác của ông Vũ Gia H, đối chiếu với các quy định của pháp luật nhận thấy ông Vũ Gia H đương nhiên là cán bộ công chức từ thời điểm Ủy ban nhân dân huyện B quyết định chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với công chức xã cho

ông Vũ Gia H với chức danh Tư pháp – Hộ tịch xã T .

Để khắc phục sai sót trong việc yêu cầu Vũ Gia H bàn giao công việc từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019. Tháng 11 năm 2019 UBND huyện B, ban hành “*Quyết định số 3103/QĐ-UBND, ngày 04/11/2019 về việc tuyển dụng, bổ nhiệm và xếp ngạch lương công chức cấp xã đối với ông Vũ Gia H*”.

Việc Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng việc ông Vũ Gia H khi tham gia kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã vào ngày 01/04/2017 không trúng tuyển là không có cơ sở. Mặc khác từ kỳ thi tuyển dụng công chức năm 2017 mà ông Vũ Gia H tham gia đến khi ông H được tuyển dụng lại vào năm 2019 thì ông Vũ Gia H không bổ sung được bất cứ bằng cấp chuyên môn nào khác, về quy định pháp luật cũng không có sự thay đổi và đều thực hiện theo Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn. Như vậy, bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B , tỉnh Đắk Lắk không trả lương, không đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019 (24 tháng) cho ông Vũ Gia H, là không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính đáng của ông Vũ Gia H được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Vũ Gia H về tiền lương cụ thể theo từng gia đoạn từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2018: $3,26 \times 1.300.000 \text{ đồng/tháng} \times 8 \text{ (tháng)} = 33.904.000 \text{ đồng}$ (ba mươi ba triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng); từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019: $3,26 \times 1.390.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ (tháng)} = 54.376.800 \text{ đồng}$ (năm mươi tư triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng); từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019: $3,26 \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} \times 4 \text{ (tháng)} = 19.429.600 \text{ đồng}$ (mười chín triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng); tổng tiền lương: 107.710.400 đồng (một trăm linh bảy triệu bảy trăm mười nghìn bốn trăm đồng)

- Tiền BHXH + BHYT + BH thất nghiệp,...từ tháng 11/2017 đến tháng 6/2018: $3,26 \times 8 \text{ (tháng)} \times 1.300.000 \text{ đồng} \times 32\% = 10.849.280 \text{ đồng}$ (mười triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm tám mươi đồng); từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019: $3,26 \times 12 \text{ (tháng)} \times 1.390.000 \text{ đồng/tháng} \times 32\% = 17.400.576 \text{ đồng}$ (mười bảy triệu bốn trăm nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng); từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019: $3,26 \times 4 \text{ (tháng)} \times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} \times 32\% = 6.217.472 \text{ đồng}$ (sáu triệu hai trăm mười bảy nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng). Tổng tiền BHXH + BHYT + BH thất nghiệp,...: 34.467.328 đồng (ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi tám đồng). Tổng số tiền ông H khởi kiện để yêu cầu UBND huyện B phải bồi thường là 142.177.728 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng). Thấy rằng, căn cứ vào mức lương từ thời điểm tuyển dụng lại vào ngày 04/11/2019 theo “*Quyết định số 3103/QĐ-UBND, ngày 04/11/2019 về việc tuyển dụng, bổ nhiệm và xếp ngạch lương công chức cấp xã đối với ông Vũ Gia H*” để xác định tổng số tiền mà Ủy ban nhân dân huyện B phải chi trả cho ông Vũ Gia H cụ thể các khoản tiền sau:

Tiền lương từ tháng 11/2017 đến 10/2019 là 24 tháng. Hệ số lương 3,26 mức lương cơ sở tại thời điểm 1.490.000 đồng = 4.857.400 đồng. Tiền lương 24 tháng $\times 4.857.400 \text{ đồng} = 116.577.600 \text{ đồng}$.

Theo quyết định 959/QĐ-BHXH năm 2015, quy định mức đóng BHXH cụ thể như sau: Mức đóng BHXH 26% trong đó: người lao động đóng 8%, đơn vị đóng 18%. 18% đơn vị đóng bao gồm: 3% vào quỹ ốm đau và thai sản; 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất. Như vậy tiền đóng bảo hiểm xã hội là: 24 tháng x (4.857.400 đồng x 18%) = 20.983.968 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Quyết định 595/QĐ- BHXH năm 2017, quy định như sau: Mức đóng bảo hiểm y tế hằng tháng bằng 4,5% mức tiền lương tháng, trong đó người sử dụng lao động đóng 3%; người lao động đóng 1,5%. Như vậy tiền đóng bảo hiểm y tế là: 24 tháng x (4.857.400 đồng x 3%) = 3.497.328 đồng.

Tổng cộng tiền lương + tiền đóng bảo hiểm xã hội + tiền đóng bảo hiểm y tế = 141.058.896 đồng (một trăm bốn mươi một triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng) cần chấp nhận.

[2.3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Gia H. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải chi trả cho ông Vũ Gia H tổng số tiền 141.058.896 đồng (một trăm bốn mươi một triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng)

[3] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm có giá gạch là 3% x 141.058.896 đồng = 4.231.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 32, Điều 147, Điều 186, Điều 187, Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012; Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 2-L/CTN ngày 26 tháng 02 năm 1998; điểm h khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 5 Pháp lệnh số: 11/2003/PL-UBTVQH11 ngày 29/04/2003 bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ công chức; Nghị định số: 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định 959/QĐ-BHXH năm 2015; Quyết định 595/QĐ- BHXH năm 2017

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Gia H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải chi trả cho ông Vũ Gia H tổng số tiền 141.058.896 đồng (một trăm bốn mươi một triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng) gồm: Tiền lương thực tế là 116.577.600

đồng; tiền đóng bảo hiểm xã hội là 20.983.968 đồng; tiền đóng bảo hiểm y tế là 3.497.328 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm 4.231.000 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn ;
- UBND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B ;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Huỳnh Định Tình